

Bản án số: 09/2026/DS-ST
Ngày: 09/02/2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Thủy.

2. Bà Vũ Thị Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Đào Giang Lệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2026/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Lan T, sinh năm 1978. CCCD: 040178024328.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q (xã Q cũ), tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1960.

Nơi cư trú: Thôn C Cầu G, xã Q, tỉnh Nghệ An. (Giấy ủy quyền ngày 20/10/2025). Có mặt.

Bị đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1987. CCCD: 040187025218.

Nơi cư trú: Thôn B, xã Q (xã Q cũ), tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Lan T, lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hoàng Thị N trình bày: Ngày 17/11/2023 bà T đã cho bà Hoàng Thị H, trú tại thôn B, xã Q (xã Q cũ), tỉnh Nghệ An, vay số tiền 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng). Khi vay lãi thỏa thuận 1,6%/tháng, thời hạn trả nợ gốc và nợ lãi vào ngày 27/11/2023. Bà T đã giao cho bà H nhận đủ số tiền vay 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) và hai bên đã cùng ký, ghi rõ họ tên vào giấy vay tiền. Đến hạn trả nợ, bà T yêu cầu bà H trả nợ gốc và nợ lãi nhưng bà H xin khất vì lý do khoản tiền vay này thực chất mục đích vay để bà H một mình chi tiêu cá nhân, nên chưa sắp xếp được nguồn tiền nào để trả nợ theo hẹn. Từ năm 2024 đến nay nhiều lần bà T yêu cầu bà H trả nợ tiền gốc và tiền lãi nhưng bà H không chịu trả khoản tiền nào.

Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hoàng Thị H phải trả nợ cho bà T số tiền gốc vay ngày 17/11/2023 và tiền lãi suất với mức lãi suất 1,6%/tháng tính từ ngày vay (17/11/2023) đến ngày xét xử (09/02/2026). Tiền gốc

180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng). Tiền lãi: 180.000.000 đồng x 1,6%/tháng x 26 tháng 22 ngày = 76.992.000đ (Bảy mươi sáu triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 09/02/2026 là 256.992.000đ (Hai trăm năm mươi triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Bị đơn bà Hoàng Thị H vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác, triệu tập bà H đến tòa án làm việc. Bà H nhận nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án, không tham gia phiên họp, phiên hoà giải. Xác minh tại địa phương bà H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã Q (xã Q cũ), tỉnh Nghệ An, hiện đang có mặt tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 116, 117, 119, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị L Từ. Buộc bà Hoàng Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho bà Hồ Thị L Từ số tiền vay gốc 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) theo giấy vay ngày 17/11/2023 và tiền lãi tính đến ngày 09/02/2026 là 76.992.000đ (Bảy mươi sáu triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và lãi tính đến ngày 09/02/2026 là 256.992.000đ (Hai trăm năm mươi triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay, bị đơn bà Hoàng Thị H cư trú tại thôn B, xã Q (xã Q cũ), tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Ngày 17/11/2023 bà Hồ Thị Thu T1 và bà Hoàng Thị H lập Giấy vay tiền

thể hiện nội dung bà H vay của bà T1 số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng), lãi suất do người cho vay và người vay tiền thỏa thuận, thời hạn vay 10 ngày kể từ ngày vay. Thực hiện nội dung thỏa thuận, bà H nhận đủ số tiền vay. Hết thời hạn vay, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và lãi như các bên đã thỏa thuận cho bà T1.

[2.1] Xét thấy tại thời điểm viết “Giấy vay tiền” đề ngày 17/11/2023, các bên đương sự đều đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc giao kết thỏa thuận xuất phát từ ý chí tự nguyện của các bên, không bị ép buộc, mục đích của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hình thức và nội dung của giao dịch phù hợp với quy định tại các Điều 117, 119, 463, 468 của . Nội dung giấy vay tiền thể hiện bà H vay của bà T1 số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng), tiền lãi chưa trả tính đến ngày 09/2/2026 là 76.992.000đ (Bảy mươi sáu triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng). Hết thời hạn vay bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T1 là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, cần áp dụng Điều 466 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà H có nghĩa vụ trả nợ cho bà T1 số tiền vay gốc: 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 09/02/2026 là 76.992.000đ (Bảy mươi sáu triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và lãi tính đến ngày 09/02/2026 là 256.992.000đ (Hai trăm năm mươi triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 116, 117, 119, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị L Từ.

1. Buộc bà Hoàng Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho bà Hồ Thị L Từ số tiền gốc là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) theo giấy vay ngày 17/11/2023, tiền lãi tính đến ngày 09/02/2026 là 76.992.000đ (Bảy mươi sáu triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và lãi tính đến ngày 09/02/2026 là 256.992.000đ (Hai trăm năm mươi triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị H phải chịu 12.849.600đ (mười hai triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Hồ Thị L Từ số tiền 6.150.000đ (sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002163 ngày 31/10/2025.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 4 – Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Tuấn